

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-PT
Ngày 07-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nôm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Lâm Bích Ch do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lâm Bích Ch, sinh năm: 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp TT, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Lộc V, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1960; chồng là Lê Văn Tuấn, sinh năm 1983; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Lê Văn L là Luật sư - Văn phòng luật sư Chiến Ly thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

Ông Nguyễn Anh T là Luật sư - Văn phòng luật sư Nguyễn Anh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Bích Ch là kế toán của Trường tiểu học An Hòa Tây 2 (xã An Hòa Tây,

huyện BT , tỉnh Bến Tre) có nhiệm vụ lập hồ sơ dự toán chi ngân sách hằng năm, thanh quyết toán tiền sử dụng ngân sách được cấp cho nhà trường; quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Ch được nhiều người tín nhiệm. Từ đó, Ch lợi dụng lòng tin của người khác, sự sơ hở của chủ tài khoản và các cơ quan hữu quan trong việc kiểm tra ký duyệt chứng từ chi trả lương chuyển khoản cho cán bộ - giáo viên của Trường nên tìm cách chiếm đoạt. Theo định kỳ hàng tháng, Ch lập hồ sơ chi trả lương, các khoản phụ cấp, làm thêm giờ, công tác phí cho cán bộ - giáo viên của Trường và cộng lại các khoản tiền cá nhân được thanh toán, lập danh sách chuyển qua thẻ ATM của cá nhân được mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện BT ; danh sách chuyển lương qua thẻ ATM, Ch cắt bớt tiền của những người được nhận cao và nhập vào tiền của mình được nhận trong danh sách chuyển khoản để chiếm đoạt. Bằng hình thức trên, từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015, Ch đã nhiều lần chiếm đoạt tổng số tiền 36.612.033 đồng của những người cụ thể như sau:

*** Năm 2014:**

- Tháng 01: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.100.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Trần Văn C 200.000 đồng.
- Tháng 02: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.200.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Trần Văn C 200.000 đồng, Tô Văn Ph 100.000 đồng.
- Tháng 03: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.699.999 đồng, gồm Đinh Văn Qu 299.999 đồng, Nguyễn Tuấn K 300.000 đồng, Lê Văn Nh 800.000 đồng, Trần Văn C 200.000 đồng, Tô Văn Ph 100.000 đồng.
- Tháng 04: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.200.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Trần Văn C 200.000 đồng, Tô Văn Ph 100.000 đồng.
- Tháng 05: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.200.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Trần Văn C 200.000 đồng, Tô Văn Ph 100.000 đồng.
- Tháng 06: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.200.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Trần Văn C 200.000 đồng, Tô Văn Ph 100.000 đồng.
- Tháng 07: Ch chiếm đoạt số tiền là 4.700.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Lê Văn Tiến 1.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu 600.000 đồng, Lê Thúy Thu 500.000 đồng, Hồ Ngọc Diễm 300.000 đồng, Trần Văn C 1.300.000 đồng, Tô Văn Ph 100.000 đồng.
- Tháng 08: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.400.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K mỗi người 300.000 đồng, Lê Văn Nh 500.000 đồng, Trần Văn C 200.000 đồng, Tô Văn Ph 100.000 đồng.
- Tháng 09: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.400.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Trần Văn C 200.000 đồng, Tô Văn Ph , Đào Thị Th và Đặng Thanh C mỗi người 100.000 đồng.
- Tháng 10: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.400.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Trần Văn C 200.000 đồng, Tô Văn Ph , Đào Thị Th và Đặng Thanh C mỗi người 100.000 đồng.

- Tháng 11: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.400.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Trần Văn C 200.000 đồng, Tô Văn Ph , Đào Thị Th và Đặng Thanh C mỗi người 100.000 đồng.

- Tháng 12: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.400.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Trần Văn C 200.000 đồng, Tô Văn Ph , Đào Thị Th và Đặng Thanh C mỗi người 100.000 đồng.

*** Năm 2015:**

- Tháng 01: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.399.999 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Tô Văn Ph , Đặng Thanh C và Đào Thị Th mỗi người 100.000 đồng, Trần Văn C 199.999 đồng.

- Tháng 02: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.399.999 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Tô Văn Ph , Đặng Thanh C và Đào Thị Th mỗi người 100.000 đồng, Trần Văn C 199.999 đồng.

- Tháng 03: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.399.999 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Tô Văn Ph , Đặng Thanh C và Đào Thị Th mỗi người 100.000 đồng, Trần Văn C 199.999 đồng.

- Tháng 04: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.600.002 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Trần Văn C và Nguyễn Tuấn K mỗi người 300.000 đồng, Lê Văn Nh 395.500 đồng, Tô Văn Ph , Đặng Thanh C và Đào Thị Th mỗi người 100.000 đồng, Lữ Thị D 4.502 đồng.

- Tháng 05: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.400.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Trần Văn C , Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Đặng Thanh C và Đào Thị Th mỗi người 100.000 đồng.

- Tháng 06: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.400.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Trần Văn C , Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Đặng Thanh C và Đào Thị Th mỗi người 100.000 đồng.

- Tháng 07: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.400.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Trần Văn C , Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Đặng Thanh C và Đào Thị Th mỗi người 100.000 đồng.

- Tháng 08: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.400.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Trần Văn C , Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Đặng Thanh C và Đào Thị Th mỗi người 100.000 đồng.

- Tháng 09: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.400.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Trần Văn C , Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Đặng Thanh C và Đào Thị Th mỗi người 100.000 đồng.

- Tháng 10: Ch chiếm đoạt số tiền là 1.400.000 đồng, gồm Đinh Văn Qu, Trần Văn C , Nguyễn Tuấn K và Lê Văn Nh mỗi người 300.000 đồng, Đặng Thanh C và Đào Thị Th mỗi người 100.000 đồng.

- Tháng 11: Ch chiếm đoạt số tiền là 2.222.136 đồng, gồm Đinh Văn Qu 201.309, Nguyễn Tuấn K 285.827 đồng, Lê Văn Nh 1.335.000 đồng, Đặng Thanh C 100.000 đồng và Trần Văn C 300.000 đồng.

- Tháng 12: Ch chiếm đoạt số tiền là 889.980 đồng, gồm Đinh Văn Qu 201.309, Lê Văn Nh và Trần Văn C mỗi người 300.000 đồng, Đặng Thanh C 88.590 đồng.

Đến năm 2016, hành vi của Ch bị phát hiện, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện BT đã kiểm tra chứng từ quyết toán và yêu cầu Ch nộp khắc phục vào Ngân sách số

tiền 35.537.000 đồng. Sau đó, Đoàn thanh tra Nhà nước huyện BT tiến hành thanh tra tài chính đối với trường đã kết luận sai phạm của Ch trong việc cắt tiền của các giáo viên với số tiền là 36.611.926 đồng và yêu cầu Ch nộp tiền vào tài khoản thanh tra số tiền 1.075.000 đồng để khắc phục hậu quả. Đồng thời, Đoàn cũng đã phát hiện sai phạm của ông Đinh Văn Qu - Hiệu trưởng của Trường tiểu học An Hòa Tây 2 trong việc sử dụng ngân sách Nhà nước nên có văn bản kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện BT điều tra xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BT đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lâm Bích Ch phạm “Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 280; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Lâm Bích Ch 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2018, bị cáo Lâm Bích Ch kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 13/12/2018, bị cáo Lâm Bích Ch kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lâm Bích Ch thừa nhận hành vi phạm tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lâm Bích Ch phạm “Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù không cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên; bị cáo có nhân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là tất cả các bị hại có đơn xin cho bị cáo hưởng án treo, vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo; chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 280; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lâm Bích Ch từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận:

- Luật sư Lê Văn L đồng ý về tội danh đối với bị cáo nên không tranh luận. Về hình phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, xét thấy bị cáo là lao động chính trong

gia đình, hoàn cảnh khó khăn, có chồng bị bệnh không lao động được, có 03 con nhỏ; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng; tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là tất cả bị hại có đơn kiến nghị xin cho bị cáo được hưởng án treo, chính quyền địa phương xác nhận bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình nuôi 03 con nhỏ và chồng bị bệnh. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm.

- Luật sư Nguyễn Anh T đồng ý về tội danh đối với bị cáo nên không tranh luận. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm b, p, g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra bị cáo còn có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, chồng bị bệnh, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Khi nhận định hành vi phạm tội, Tòa án cấp sơ thẩm chưa nhận định nguyên nhân, điều kiện, mục đích, động cơ phạm tội của bị cáo; bị cáo có 03 con nhỏ đang đi học, chồng bị bệnh không lao động được, một mình bị cáo phải lo cho cả gia đình nên gặp rất nhiều khó khăn đã dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chiếm đoạt tài sản không phải để tiêu xài cá nhân mà lo cho gia đình, tại cấp phúc thẩm tất cả bị hại có đơn kiến nghị xin cho bị cáo được hưởng án treo. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng án treo theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 trong khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc chồng đang bị bệnh và các con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Luật sư, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lâm Bích Ch khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2015, Lâm Bích Ch là kế toán của Trường tiểu học An Hòa Tây 2 (thuộc xã An Hòa Tây, huyện BT, tỉnh Bến Tre), Ch đã nhiều lần lạm dụng chức vụ, quyền hạn và dùng thủ đoạn gian dối trong việc lập chứng từ chi trả lương để chiếm

đoạt tổng số tiền là 36.612.033 đồng (trong đó có các lần: vào tháng 7/2014 chiếm đoạt 4.700.000 đồng; vào tháng 11/2015 chiếm đoạt 2.222.136 đồng) gồm của: Đinh Văn Qu 7.002.617 đồng, Nguyễn Tuấn K 6.885.827 đồng, Lê Văn Nh 9.030.500 đồng, Lê Văn Tiến 1.000.000 đồng, Đặng Thanh C 1.588.590 đồng, Trần Văn C 6.799.997 đồng, Đào Thị Phụng 1.400.000 đồng, Tô Văn Ph 1.500.000 đồng, Hồ Ngọc Diễm 300.000 đồng và Lữ Thị D 4.502 đồng. Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, vì mục đích chiếm đoạt tài sản đã cố ý nhiều lần thực hiện hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền của giáo viên, hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của giáo viên và xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, uy tín của Trường tiểu học An Hòa Tây 2. Với ý thức, hành vi và hậu quả bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lâm Bích Ch phạm “Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “*phạm tội nhiều lần*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lâm Bích Ch yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại xong cho các bị hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, là lao động chính trong gia đình nuôi 03 con còn nhỏ, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã xử phạt bị cáo 02 năm tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo phạm tội có tình tiết định khung tăng nặng phạm tội nhiều lần. Tuy nhiên; xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, mới lần đầu phạm tội, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ ăn năn hối cải nên đã kịp thời bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 như đã nêu trên. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa Ph bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình nuôi 03 con nhỏ và chồng bị bệnh, tập thể giáo viên Trường tiểu học An Hòa Tây 2 tiếp tục có đơn kiến nghị xin cho bị cáo được hưởng án treo; tại cấp sơ thẩm Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm tù đến 02 năm tù, tại cấp phúc thẩm Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù. Xét thấy; bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù không cho bị cáo hưởng án treo là đúng quy định của pháp luật. Quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được

hưởng án treo của bị cáo. Tuy nhiên; bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới; xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo theo mức hình phạt thấp nhất mà Kiểm sát viên hai cấp đã đề nghị cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo cho bị cáo hưởng án treo, chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Người bào chữa đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lâm Bích Ch ; sửa Bản án sơ thẩm số: 35/2018/HS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện BT , tỉnh Bến Tre;

[1] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 280; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Lâm Bích Ch 01 (một) năm tù về “Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Lâm Bích Ch không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- TAND huyện BT (3b);
- VKSND huyện BT (1b);
- Công an huyện BT (1b);
- Chi cục THADS huyện BT (1b);
- UBND xã Tân Thủy (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng
TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

Tôn Văn Thông